TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18-3-2022
"V/v Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn.

Ông Phạm Công Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 276/2021/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2021, về việc "*Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐ-ST ngày 01 tháng 3 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Văn H**, sinh năm 1993

Địa chỉ: KDC SKh, phường ThTh, thị xã KM, tỉnh Hải Dương (đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1996

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC SKh, phường ThTh, thị xã KM, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan (vắng mặt).

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970

Địa chỉ: thôn Khuê Bích, xã Thượng Quận, thị xã KM, tỉnh Hải Dương (đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng*: Anh và chị Nguyễn Thị B được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ThTh, huyện KM (nay là phường ThTh, thị xã KM), tỉnh Hải Dương vào ngày 12/6/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Tháng 3/2017, anh sang Hàn Quốc làm ăn, còn chị B đưa con về bố mẹ đẻ sinh sống. Đến tháng 5/2017, chị B mang con sang gửi bố mẹ anh rồi sang Đài Loan, vợ chồng sống ly thân kể từ đó đến nay, không còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau. Gia đình hai bên có biết về mâu thuẫn của vợ chồng anh chị, có can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả. Anh cũng đã tìm cách nói chuyện với chị B để cải thiện tình trạng mâu thuẫn vợ chồng nhưng giữa hai vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

- *Về con chung:* Anh và chị B có 01 con chung là Trần Duy Kh, sinh ngày 20/12/2014, hiện nay cháu đang ở cùng anh và bố mẹ anh, cháu cũng có nguyện vọng muốn được tiếp tục ở cùng anh. Anh hiện đang kinh doanh ở nhà, thu nhập trung bình khoảng gần 20 triệu đồng/tháng. Bố mẹ anh đều ở nhà phụ giúp anh kinh doanh và hỗ trợ anh trong việc chăm sóc con cái. Do đó, để ổn định cuộc sống cũng như học tập của cháu, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được tiếp tục nuôi con chung. Anh tự nguyện không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án do anh H không cung cấp được địa chỉ của chị B tại Đài Loan nên Tòa án đã xác minh qua gia đình chị B, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của chị B. Bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ chị B xác định: Chị B hiện làm ăn, sinh sống tại Đài Loan nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của chị B nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên chị B vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Bà đã nhận các văn bản của Tòa án và đã thông báo cho chị B biết. Quan điểm của chị B xác định mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đã lâu, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, chị nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của anh H và giao con chung cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh H. Vợ chồng chị B, anh H không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp gì với gia đình hai bên.

Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị B vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình:

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Trần Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị B;

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Duy Kh, sinh ngày 20/12/2014 cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng cho con;

Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Trần Văn H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa anh với chị Nguyễn Thị B. Chị B hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không cung cấp được địa chỉ của chị B tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình chị B cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị B vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H, chị B.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị B được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã ThTh, huyện KM (nay là phường ThTh, thị xã KM), tỉnh Hải Dương vào ngày 12/6/2014 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B. Thông qua gia đình, chị B có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh H. Xét thấy thực tế anh chị không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn của anh H và chị B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh H xin ly hôn chị B là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh H và chị B có 01 con chung là Trần Duy Kh, sinh ngày 20/12/2014. Hiện cháu Khang đang ở với anh H. Xét thực tế, chị B đang ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên việc giao con cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị B được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Trần Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị B.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Trần Văn H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Duy Kh, sinh ngày 20/12/2014, thời gian từ tháng 3/2022 đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn H không yêu cầu chị Nguyễn Thị B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Chị Nguyễn Thị B được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Anh Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004618 ngày 03/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (Anh H đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí).

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Chị Nguyễn Thị B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã ThTh, huyện KM (nay là phường ThTh, thị xã KM), tỉnh Hải Dương
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mai Hoa